VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ[1]
Hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp

Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 82/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2014 hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2019.

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 02 Thông tư sau:

- Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2014.

- Thông tư số 82/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2014 hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2019 (Sau đây gọi là Thông tư số 82/2019/TT-BTC).

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Thông tư nêu trên.

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp như sau:[2]

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn về điều kiện, hồ sơ, thủ tục, quy trình hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất thông qua các ngân hàng thương mại để thực hiện cho vay theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp (sau đây gọi tắt là Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg).

---

[2] Thông tư số 82/2019/TT-BTC có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi một số điều của Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2014 hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp."

2. Đối tượng áp dụng:

2.1 Ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng (sau đây gọi chung là ngân hàng thương mại) thực hiện cho vay theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg.

2.2 Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Hình thức thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất

1. Ngân hàng thương mại cho vay thực hiện việc hỗ trợ lãi suất hoặc hỗ trợ phần chênh lệch giữa lãi suất thương mại và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn thuộc đối tượng quy định tại Điều 1, Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất vốn vay thương mại hoặc cấp bù phần chênh lệch giữa lãi suất thương mại và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước cho ngân hàng thương mại thực hiện cho vay theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Điều kiện được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất

1. Các ngân hàng thương mại tổ chức thực hiện cho vay theo quy định tại Điều 1, Điều 2 và Điều 3 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Các khoản vay được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất là các khoản vay đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

2.1 Các khoản vay đúng đối tượng, đúng mục tiêu và đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 1, Điều 2 và Điều 3 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg.

2.2[3] Các khoản vay trả nợ đúng hạn tại thời điểm hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất; không thực hiện hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất

[3] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 82/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2019.

đối với các khoản vay quá hạn tính từ thời điểm quá hạn. Các khoản cho vay bị quá hạn một phần dư nợ gốc thì khách hàng không được hỗ trợ lãi suất, cấp bù chênh lệch lãi suất đối với phần dư nợ gốc bị quá hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Phần dư nợ gốc không bị quá hạn theo quy định thì tiếp tục được hưởng hỗ trợ lãi suất, cấp bù chênh lệch lãi suất theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg.

2.3 Các khoản vay đã ký hợp đồng vay vốn tại các ngân hàng thương mại từ ngày Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành đến trước ngày 31/12/2020.

Điều 4. Mức hỗ trợ, cấp bù và nguồn vốn hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất

1. Mức hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất:

1.1 Các khoản vay để mua các loại máy móc, thiết bị quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% lãi suất trong 02 năm đầu, 50% lãi suất trong năm thứ ba. Thời điểm hỗ trợ lãi suất đối với từng khoản vay được tính từ ngày giải ngân.

1.2 Các khoản vay để thực hiện các dự án đầu tư dây chuyền máy, thiết bị; các dự án chế tạo máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch giữa lãi suất cho vay thương mại của các ngân hàng thương mại và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước. Thời điểm cấp bù chênh lệch lãi suất đối với từng khoản vay được tính từ ngày giải ngân.

Thời gian được nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất bằng thời hạn cho vay quy định tại khoản 5 Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg, tối đa không quá 12 năm.

1.3 Mức lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại làm cơ sở để ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất cho vay thấp nhất của ngân hàng thương mại có hoạt động cho vay theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg được áp dụng cho vay cho các khoản vay vốn phục vụ lĩnh vực

nông nghiệp, nông thôn cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ được ngân hàng thương mại niêm yết công khai tại các điểm giao dịch.

1.4. Mức lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước làm căn cứ cấp bù chênh lệch lãi suất theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg là mức lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước công bố áp dụng cho từng thời kỳ.

2. Nguồn vốn hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất:

Nguồn vốn hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất thực hiện chính sách hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp được bố trí trong dự toán chi cấp bù chênh lệch lãi suất cho vay tín dụng ưu đãi (vốn đầu tư phát triển) của ngân sách nhà nước hàng năm.

Điều 5. Hồ sơ, thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất

1. Lập kế hoạch hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất:

Hàng năm, chậm nhất vào ngày 31/7, các ngân hàng thương mại căn cứ dự kiến dư nợ cho vay để mua máy móc, thiết bị, đầu tư dây chuyền máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp của năm sau để xây dựng kế hoạch hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất cho năm kế hoạch (có chia ra từng quý) gửi Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Riêng năm 2014, muộn nhất sau 15 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các ngân hàng thương mại có trách nhiệm lập và gửi kế hoạch hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất cho Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính bố trí dự toán chi cấp bù chênh lệch lãi suất của ngân sách trung ương để cấp bù cho các ngân hàng thương mại cho vay thực hiện chính sách hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp.

2. Việc lập kế hoạch hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất năm được thực hiện theo công thức sau đây:

2.1. Đối với lãi suất vay vốn được hỗ trợ:

Số tiền lãi được hỗ trợ kế hoạch	=	Số tiền lãi được hỗ trợ của dư nợ cũ đã phát sinh (nêu tại Tiết a Điểm này)	+	Số tiền lãi được hỗ trợ dự kiến phát sinh trong năm kế hoạch (nêu tại Tiết b Điểm này)

a) Đối với những dư nợ cũ đã phát sinh (bao gồm cả số ước thực hiện đến 31/12 của năm trước năm kế hoạch):

Số tiền lãi được hỗ trợ của dư nợ cũ đã phát sinh	=	Dư nợ cho vay bình quân	x	Mức lãi suất hỗ trợ bình quân

Trong đó:

- Dư nợ cho vay bình quân được ngân hàng thương mại tính toán trên cơ sở bình quân số dư nợ đã thực hiện cho vay.

- Mức lãi suất hỗ trợ bình quân bằng 100% lãi suất cho vay bình quân của ngân hàng thương mại trong 2 năm đầu, bằng 50% lãi suất cho vay bình quân của ngân hàng thương mại trong năm thứ ba được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

b) Đối với những dư nợ sẽ phát sinh trong năm kế hoạch:

Số tiền lãi được hỗ trợ dự kiến phát sinh trong năm kế hoạch	=	Dư nợ cho vay bình quân dự kiến của năm được hỗ trợ	x	Mức lãi suất hỗ trợ bình quân

Trong đó:

- Dư nợ cho vay bình quân dự kiến của năm được hỗ trợ được tính theo công thức bình quân số học giữa dư nợ đầu năm kế hoạch và dư nợ cuối năm kế hoạch.

- Mức lãi suất hỗ trợ bình quân bằng 100% lãi suất cho vay bình quân của ngân hàng thương mại trong 2 năm đầu, bằng 50% lãi suất cho vay bình quân của ngân hàng thương mại trong năm thứ ba được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

2.2. Đối với lãi suất vay vốn được cấp bù:

Số tiền lãi chênh lệch được cấp bù kế hoạch	=	Số tiền lãi chênh lệch được cấp bù của dư nợ cũ đã phát sinh (nêu tại Tiết a Điểm này)	+	Số tiền lãi chênh lệch được cấp bù dự kiến phát sinh trong năm kế hoạch (nêu tại Tiết b Điểm này)

a) Đối với những dư nợ cũ đã phát sinh (bao gồm cả số ước thực hiện đến 31/12 của năm trước năm kế hoạch):

Số tiền lãi chênh lệch được cấp bù của dư nợ cũ đã phát sinh	=	Dư nợ đã cho vay bình quân được cấp bù chênh lệch lãi suất	x	Mức chênh lệch lãi suất cấp bù bình quân

Trong đó:

- Dư nợ đã cho vay bình quân được cấp bù chênh lệch lãi suất được ngân hàng thương mại tính toán trên cơ sở bình quân số dư nợ đã thực hiện cho vay.

- Mức chênh lệch lãi suất cấp bù bình quân là chênh lệch giữa lãi suất cho vay bình quân của ngân hàng thương mại và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, được tính theo công thức bình quân số học giữa mức chênh lệch lãi suất cấp bù đầu năm và cuối năm.

b) Đối với những dư nợ ước sẽ phát sinh trong năm kế hoạch:

Số tiền lãi chênh lệch được cấp bù dự kiến phát sinh trong năm kế hoạch	=	Dư nợ cho vay bình quân dự kiến của năm được cấp bù	x	Mức chênh lệch lãi suất cấp bù bình quân

Trong đó:

- Dư nợ cho vay bình quân dự kiến của năm được cấp bù được tính theo công thức bình quân số học giữa dư nợ đầu năm kế hoạch và dư nợ cuối năm kế hoạch.

- Mức chênh lệch lãi suất cấp bù bình quân là chênh lệch giữa lãi suất cho vay bình quân của ngân hàng thương mại và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, được tính theo công thức bình quân số học giữa mức chênh lệch lãi suất cấp bù đầu năm và cuối năm.

3. Tạm cấp hỗ trợ lãi suất vay vốn và tạm cấp bù chênh lệch lãi suất hàng quý:

Tối đa sau 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo thực hiện quý theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này kèm văn bản đề nghị của ngân hàng thương mại, Bộ Tài chính sẽ thực hiện tạm cấp bằng 80% số tiền hỗ trợ lãi suất của ngân hàng thực hiện quý trước nhưng số tiền tạm cấp lũy kế tính từ đầu năm không vượt quá dự toán được giao đầu năm. Trường hợp không thực hiện tạm cấp, Bộ Tài chính có văn bản trả lời nguyên nhân và hướng dẫn các ngân hàng thương mại cách thức xử lý trong thời hạn 20 ngày làm việc.

4. Phương pháp xác định số tiền lãi được hỗ trợ và số tiền lãi chênh lệch được cấp bù:

4.1. Đối với các khoản vay được hỗ trợ lãi suất vốn vay theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg:

a)[4] Số tiền lãi được hỗ trợ cho một khoản vay được tính theo phương pháp tích số giữa mức lãi suất hỗ trợ với dư nợ cho vay và thời gian vay vốn được hỗ trợ lãi suất theo công thức sau:

$$\text{Số tiền lãi được hỗ trợ thực tế} = \sum_{i=1}^{n} \text{Mức lãi suất hỗ trợ năm} \times \frac{\text{Tổng các tích số giữa số dư nợ (tương ứng với lãi suất cho vay cùng kỳ) với số ngày dư nợ thực tế trong năm}}{365}$$

Trong đó:

- Mức lãi suất hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này và được tính theo đơn vị là %/năm.

- n là số ngày dư nợ thực tế trong kỳ được hỗ trợ lãi suất.

b) Số tiền lãi được hỗ trợ của các ngân hàng thương mại là tổng số tiền lãi hỗ trợ thực tế của tất cả các khoản vay thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất.

---

[4] Tiết này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 82/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2019.

c) Các ngân hàng thương mại sử dụng công thức trên để xác định số tiền hỗ trợ lãi suất đề nghị Bộ Tài chính cấp bù.

4.2. Đối với các khoản vay được cấp bù chênh lệch lãi suất theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg:

a)[5] Số tiền lãi chênh lệch được cấp bù cho một khoản vay được tính theo phương pháp tích số giữa mức chênh lệch lãi suất được cấp bù với dư nợ cho vay và thời gian vay vốn được cấp bù lãi suất theo công thức sau:

$$\text{Số tiền lãi chênh lệch được cấp bù thực tế} = \sum_{i=1}^{n} \text{Mức chênh lệch lãi suất cấp bù năm} \times \frac{\text{Tổng các tích số giữa số dư nợ (tương ứng với lãi suất cho vay cùng kỳ) với số ngày dư nợ thực tế trong năm}}{365}$$

Trong đó:

- Mức chênh lệch lãi suất cấp bù theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này và được tính theo đơn vị là %/năm.

- n là số ngày dư nợ thực tế phát sinh trong kỳ được hỗ trợ lãi suất.

b) Số tiền lãi chênh lệch được cấp bù của ngân hàng thương mại là tổng số lãi cấp bù thực tế của tất cả các khoản vay thuộc đối tượng được cấp bù lãi suất xác định theo quy định tại tiết a điểm 4.2 khoản 4 Điều này.

c) Ngân hàng thương mại sử dụng công thức trên để xác định số tiền chênh lệch lãi suất đề nghị Bộ Tài chính cấp bù.

5. Quyết toán hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất:

5.1. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, các ngân hàng thương mại phải gửi hồ sơ đề nghị quyết toán hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất cho Bộ Tài chính. Đối với các trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, Bộ Tài chính có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho các ngân hàng thương mại nhà nước trong thời hạn 10 ngày làm việc.

---

[5] Tiết này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 82/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2019.

5.2. Hồ sơ đề nghị quyết toán:

a) Hồ sơ đề nghị quyết toán đối với khoản vay được hỗ trợ lãi suất vay vốn:

- Báo cáo tổng hợp toàn hệ thống về quyết toán hỗ trợ lãi suất vay vốn đã được kiểm toán bởi Kiểm toán độc lập hoặc Kiểm toán nhà nước (Phụ lục 1 ban hành kèm Thông tư này).

- Báo cáo theo từng tỉnh về quyết toán hỗ trợ lãi suất vay vốn (Phụ lục 2 ban hành kèm Thông tư này).

b) Hồ sơ đề nghị quyết toán đối với khoản vay được cấp bù chênh lệch lãi suất:

- Báo cáo tổng hợp toàn hệ thống về quyết toán chênh lệch lãi suất cấp bù theo lãi suất tín dụng đầu tư phát triển đã được kiểm toán bởi Kiểm toán độc lập hoặc Kiểm toán nhà nước (Phụ lục 3 ban hành kèm Thông tư này).

- Báo cáo theo từng tỉnh về quyết toán chênh lệch lãi suất cấp bù theo lãi suất tín dụng đầu tư phát triển (Phụ lục 4 ban hành kèm Thông tư này).

5.3. Các ngân hàng thương mại tổ chức sao, lưu chứng từ, các báo cáo chi tiết theo từng khoản hỗ trợ lãi suất đảm bảo tính chính xác, minh bạch rõ ràng để tạo điều kiện cho công tác thẩm tra số liệu quyết toán hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất quy định tại Điểm 5.4 Khoản 5 Điều này.

5.4 Thẩm tra số liệu quyết toán hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất:

a) Bộ Tài chính tiến hành thẩm tra số liệu quyết toán hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị quyết toán hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất.

b) Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản các chi nhánh của ngân hàng thương mại được lựa chọn để thực hiện thẩm tra quyết toán.

c) Các ngân hàng thương mại có trách nhiệm cung cấp các hồ sơ chi tiết theo từng khoản vay, được tổng hợp theo từng chi nhánh được lựa chọn để thực hiện thẩm tra quyết toán như sau:

- Hợp đồng tín dụng, khế ước hoặc các giấy tờ tương đương để xác định đối tượng khách hàng vay vốn, tình hình thực hiện cho vay, dư nợ, thu nợ.

- Bảng kê tích số để xác định số tiền hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất.

- Giấy xác nhận của khách hàng trực tiếp vay vốn về việc đã được hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất theo năm trong đó có liệt kê từng lần được hỗ trợ dưới mọi hình thức.

- Văn bản thông báo lãi suất cho vay thấp nhất để làm căn cứ phê duyệt quyết toán số hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất.

Các tài liệu nêu trên là bản phôtô có đóng dấu sao y bản chính của các ngân hàng thương mại (số lượng 01 bộ) và được người có trách nhiệm ký, ghi rõ họ tên.

d) Việc thẩm tra số liệu quyết toán hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất được thực hiện trong thời gian 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quyết toán hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất của các ngân hàng thương mại.

5.5. Xử lý chênh lệch số liệu quyết toán và số tạm cấp hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất:

- Trường hợp có sự chênh lệch giữa số báo cáo quyết toán có xác nhận của cơ quan kiểm toán và số thẩm tra quyết toán của Bộ Tài chính, các ngân hàng thương mại có trách nhiệm điều chỉnh trên sổ sách kế toán để phản ánh chính xác số quyết toán hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất.

- Trường hợp số tạm cấp hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất đã được ngân sách nhà nước chuyển tiền cao hơn số thẩm tra quyết toán thì số chênh lệch sẽ được Bộ Tài chính thu hồi nộp ngân sách nhà nước.

- Trường hợp số tạm cấp hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất đã được ngân sách nhà nước chuyển tiền thấp hơn số thẩm tra quyết toán thì số chênh lệch sẽ được ngân sách nhà nước cấp bổ sung.

- Việc xử lý chênh lệch giữa số thẩm tra quyết toán và số tạm cấp hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất được thực hiện trong thời gian 45 ngày kể từ ngày của Biên bản thẩm tra quyết toán.

- Trường hợp phải kéo dài thời gian xử lý chênh lệch giữa số liệu quyết toán và số thẩm tra quyết toán hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất và các trường hợp đặc biệt khác sẽ do Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

6. Xử lý việc thu hồi số tiền đã hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất:

- Trường hợp trong thời gian hỗ trợ, các ngân hàng thương mại qua kiểm tra khách hàng vay vốn mà phát hiện sai phạm trong việc sử dụng vốn vay của khách hàng thì tiến hành chuyển khoản vay sai phạm được nhà nước hỗ trợ thành khoản vay thông thường và tiến hành thu hồi ngay số tiền ngân hàng đã tạm ứng hỗ trợ cho khách hàng vay vốn.

- Trường hợp sai phạm của khách hàng vay vốn được phát hiện sau khi quyết toán của các cơ quan quản lý nhà nước, các ngân hàng thương mại có trách nhiệm thu hồi số tiền được nhà nước hỗ trợ và nộp trả về ngân sách nhà nước.

- Trường hợp số tiền hỗ trợ lãi suất của các khách hàng vay vốn có sai phạm đã được các ngân hàng thương mại dùng mọi biện pháp để tận thu nhưng không thu hồi được, các ngân hàng thương mại có báo cáo cụ thể từng trường hợp gửi về Bộ Tài chính để được hướng dẫn xử lý.

Điều 6. Chế độ báo cáo[6]

1. Các ngân hàng thương mại thực hiện chế độ báo cáo quý, năm về kết quả thực hiện hỗ trợ lãi suất, cấp bù chênh lệch lãi suất của chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp của toàn hệ thống theo quy định tại Thông tư này, bao gồm:

---

[6] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 82/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2019.

a) Đối với báo cáo quý:

Định kỳ hàng quý, các ngân hàng thương mại tổng hợp số liệu về kết quả thực hiện hỗ trợ lãi suất, cấp bù chênh lệch lãi suất của chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp của toàn hệ thống theo Phụ lục số 05, Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này và gửi về Bộ Tài chính.

b) Đối với báo cáo năm:

Định kỳ hàng năm, các ngân hàng thương mại gửi báo cáo thực hiện năm cho Bộ Tài chính gồm:

- Số tiền hỗ trợ lãi suất vay vốn và chênh lệch lãi suất đã được tạm cấp trong năm.

- Số tiền hỗ trợ lãi suất vay vốn và chênh lệch lãi suất phát sinh thực tế đề nghị được cấp cả năm.

- Hồ sơ đề nghị quyết toán theo quy định tại điểm 5.2 khoản 5 Điều 5 Thông tư này.

2. Thời hạn báo cáo

a) Thời hạn gửi báo cáo quý: chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

b) Thời hạn gửi báo cáo năm: chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Phương thức báo cáo

Các ngân hàng thương mại thực hiện báo cáo bằng văn bản cho Bộ Tài chính.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các khoản vay được hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất theo quy định tại Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010, Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg ngày 02/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản thì vẫn áp dụng quy định về mức, nguồn vốn, hồ sơ, thủ tục hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất, chế độ báo cáo tại Thông tư số 188/2012/TT-BTC ngày 07/11/2012 của Bộ Tài chính.

2. Đối với các khoản vay được ký kết từ ngày Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg có hiệu lực (ngày 01/01/2014) và đủ điều kiện được hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất theo quy định tại Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện[7]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2014.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 05/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2020

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Huỳnh Quang Hải

---

[7] Điều 2 Thông tư số 82/2019/TT-BTC quy định như sau:

"Điều 2. *Tổ chức thực hiện*

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2019.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./."

PHỤ LỤC 1

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO TOÀN HỆ THỐNG VỀ HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY VỐN

(Quý/Năm)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07/7/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị:

Tên	**Dư nợ đầu kỳ**	**Cho vay trong kỳ**	**Thu nợ trong kỳ**	**Dư nợ cuối kỳ**	**Số tiền đã hỗ trợ lãi suất**		**Số tiền đã thu hồi hỗ trợ lãi suất**	
					Phát sinh trong kỳ	**Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo**	**Phát sinh trong kỳ**	**Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo**
1. Chi nhánh…								
2. Chi nhánh…								
Tổng số								

** Ghi chú:*

- Số tiền lũy kế được tính từ thời điểm bắt đầu triển khai chương trình cho vay.

Ngày… tháng… năm...

Người lập biểu **Kiểm soát** **Tổng giám đốc**

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 2

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO THEO TỈNH VỀ HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY VỐN

(Quý/Năm)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07/7/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị:

Tên	Dư nợ đầu kỳ	Cho vay trong kỳ	Thu nợ trong kỳ	Dư nợ cuối kỳ	Số tiền đã hỗ trợ lãi suất		Số tiền đã thu hồi hỗ trợ lãi suất	
					Phát sinh trong kỳ	Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo
1. Huyện…								
2. Huyện…								
Tổng số								

** Ghi chú:*

- Số tiền lũy kế được tính từ thời điểm bắt đầu triển khai chương trình cho vay.

Ngày… tháng… năm...

Người lập biểu **Kiểm soát** **Tổng giám đốc**

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 3

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO TOÀN HỆ THỐNG VỀ CHÊNH LỆCH LÃI SUẤT CẤP BÙ THEO LÃI SUẤT TÍN DỤNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

(Quý/Năm)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07/7/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị:

Tên	Dư nợ đầu kỳ	Cho vay trong kỳ	Thu nợ trong kỳ	Dư nợ cuối kỳ	Số tiền đã cấp bù lãi suất		Số tiền cấp bù lãi suất đã thu hồi	
					Phát sinh trong kỳ	Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo
1. Chi nhánh…								
2. Chi nhánh…								
Tổng số								

* *Ghi chú:*

- Số tiền lũy kế được tính từ thời điểm bắt đầu triển khai chương trình cho vay.

Ngày… tháng… năm...

Người lập biểu | **Kiểm soát** | **Tổng giám đốc**

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 4

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO THEO TỈNH VỀ CHÊNH LỆCH LÃI SUẤT CẤP BÙ THEO LÃI SUẤT TÍN DỤNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

(Quý/Năm)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07/7/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị:

Tên	Dư nợ đầu kỳ	Cho vay trong kỳ	Thu nợ trong kỳ	Dư nợ cuối kỳ	Số tiền đã cấp bù lãi suất		Số tiền cấp bù lãi suất đã thu hồi	
					Phát sinh trong kỳ	Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo
1. Huyện…								
2. Huyện…								
Tổng số								

* *Ghi chú:*

- Số tiền lũy kế được tính từ thời điểm bắt đầu triển khai chương trình cho vay.

Ngày… tháng… năm...

Người lập biểu **Kiểm soát** **Tổng giám đốc**

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 05[8]

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY VỐN

(Quý)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 82/2019/TT-BTC ngày 15/11/2019 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

Tên	Dư nợ đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Dư nợ cuối kỳ	Số tiền đã hỗ trợ lãi suất phát sinh trong kỳ		Số tiền đã thu hồi hỗ trợ lãi suất trong kỳ		Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo	
		Cho vay	Thu nợ		Mức 100% lãi suất	Mức 50% lãi suất	Mức 100% lãi suất	Mức 50% lãi suất	Số tiền đã hỗ trợ lãi suất	Số tiền đã thu hồi hỗ trợ lãi suất
1. Chi nhánh										
2. Chi nhánh										
Tổng số										

** Ghi chú:*

Số tiền lũy kế được tính từ thời điểm bắt đầu triển khai chương trình cho vay.

Ngày..... tháng.... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	KIỂM SOÁT	TỔNG GIÁM ĐỐC *(Ký tên, đóng dấu)*

[8] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 82/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2019.

PHỤ LỤC SỐ 06[9]

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CẤP BÙ CHÊNH LỆCH LÃI SUẤT VAY VỐN

(Quý)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 82/2019/TT-BTC ngày 15/11/2019 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

Tên	Dư nợ đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Dư nợ cuối kỳ	Số tiền đã cấp bù chênh lệch lãi suất		Số tiền cấp bù chênh lệch lãi suất đã thu hồi	
		Cho vay	Thu nợ		Phát sinh trong kỳ	Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo
1. Chi nhánh								
2. Chi nhánh								
Tổng số								

* *Ghi chú:*

Số tiền lũy kế được tính từ thời điểm bắt đầu triển khai chương trình cho vay.

Ngày..... tháng.... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	KIỂM SOÁT	TỔNG GIÁM ĐỐC *(Ký tên, đóng dấu)*

[9] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 82/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2019.